

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 31/2024/HSST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền, ông Y Đung Knul.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Phan Như Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đình Ph, sinh ngày 12/8/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam.

Trú tại: Buôn J, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông Trần Văn N, sinh năm 1973 và bà Mang Thị H, sinh năm 1974;

Tiền sự: Không; **Tiền án:** 01 tiền án về tội Dâm ô với người dưới 16 tuổi, tại Bản án số 36/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của TAND huyện E, tuyên phạt 01 năm tù giam. Ngày 03/5/2024 bị cáo được tha tù trước hạn có điều kiện (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/9/2024, đến ngày 23/9/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Buôn Đơn (có mặt).

2. Họ và Tên: Trần Văn N, sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Định; Giới tính: Nam.

Trú tại: Buôn J, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn Bán; Trình độ học vấn: 09/12.

Con ông Trần Văn T, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1955 (đã chết);

Tiền sự: Không; **Tiền án:** Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bị hại: Anh Y, sinh năm 1998 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà H, sinh năm 1980 (Là mẹ của anh Y).

Trú tại: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: + Bà Mang Thị H, sinh năm 1974

Trú tại: Buôn J, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà H N, sinh năm 2000

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 14/9/2024 Trần Đình Ph, sinh năm 1998, trú tại: Buôn J, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47D – 011.33 (không có giấy phép lái xe theo quy định) chở theo ông Trần Văn N, sinh năm 1973 là bố ruột của Ph ngồi bên cạnh, đi từ buôn J, xã K, huyện B đến thành phố B để lấy hàng hóa là rau, củ quả các loại về bán. Mặc dù biết rõ Ph chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vào lúc rạng sáng ngày 14/9/2024 ông N vẫn đồng ý để Ph điều khiển xe ô tô nói trên để đi ra thành phố B mua hàng hóa. Đến 02 giờ 03 phút cùng ngày, Ph và ông N đi đến Km7, Tỉnh lộ 1 thuộc buôn K, xã E, huyện B. Lúc này, Ph điều khiển xe chạy ở giữa phần đường (không có vạch kẻ đường) với tốc độ khoảng 70km/h thì Ph phát hiện phía trước có ánh sáng của một xe mô tô lưu thông chiều ngược lại, chạy ở khoảng giữa đường. Tuy nhiên, do không làm chủ được tốc độ, không kịp đạp phanh đồng thời đánh lái sang bên trái phần đường dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 416.50 do Y điều khiển. Hậu quả: Anh Y tử vong tại chỗ; 02 phương tiện hư hỏng nặng. Hành vi của Trần Đình Ph đã phạm vào khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả rất nghiêm trọng làm 01 (một) người chết.

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn là đoạn Km 07, Tỉnh lộ 1, thuộc buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; đường thẳng, mặt đường trải bê tông nhựa bằng phẳng rộng 11,1 m, không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn; lề đường hai bên bằng bê tông, mỗi bên rộng 0,4m, cạnh lề đường hai bên có mương thoát nước bằng bê tông rộng 1,2m, sâu 0,4m; trên mặt đường không có vạch kẻ đường. Lấy hướng đi từ UBND xã E đến UBND xã T làm hướng khám nghiệm, lấy mép đường bên trái theo hướng khám nghiệm làm mép đường chuẩn, lấy cột điện số 47TC-F16/317 ở gần phía mép chuẩn làm mốc cố định để tiến hành đo đạc ghi nhận số liệu trong quá trình khám nghiệm.

Hiện trường ghi nhận 05 dấu vết cày xước, chà trượt trên mặt đường có cùng chiều hướng từ UBND xã T đến UBND xã E, kí hiệu lần lượt là V1, V2, V3, V4 và V5 cùng một số mảnh vỡ, bộ phận của 02 phương tiện. Trong đó, V1 là dấu vết cày xước trên mặt đường nhựa nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm có chiều dài 0,4 m, rộng 06cm, điểm đầu V1 cách mép đường chuẩn 6,35 m, cách mốc cố định 15,26 m; điểm cuối V1 cách mép đường chuẩn 6,67 m, cách mốc cố định 15,98 m. V2 là vùng dấu vết cày xước không liên tục trên mặt đường nhựa nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm, có chiều dài 13,1 m, vùng rộng nhất là 17cm; điểm đầu V2 cách

mốc cổ định 16,5 m, cách mép chuẩn 7,58 m, cách trục bánh sau bên trái P1 là 1,57 m; điểm cuối V2 trùng với vùng phát hiện cụm đèn chiếu sáng bên trái của xe ô tô và yếm xe mô tô bị gãy vỡ, tâm vùng cách mốc cổ định 22,3 m, cách mép chuẩn 10,9 m. V3 là dấu vết chà trượt bám dính cao su màu đen và dấu vết mặt lăn bánh xe nằm trên mặt đường nhựa, điểm đầu nằm gần tim đường, cong dần về mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm, sau đó chuyển hướng cong về lề đường đối diện ngay vị trí xe ô tô, có chiều dài 64,25 m, rộng 15cm; điểm đầu V3 cách mốc cổ định 14,5 m, cách mép chuẩn 6,67 m; điểm cuối V3 trùng với mặt đường phía dưới bánh xe phía trước bên phải xe ô tô. V4 là vùng dấu vết cày xước không liên tục nằm trên mặt đường nhựa, phần đầu dấu vết bám dính sơn màu trắng, có chiều dài 28 m, vùng rộng nhất là 36cm; điểm đầu V4 cách mốc cổ định 14,57 m, cách mép chuẩn là 5,76 m; điểm cuối trùng với mặt đường phía dưới trục gác chân giữa xe mô tô, cách mốc cổ định 28 m, cách mép chuẩn 1,03 m. V5 là vùng dấu vết chà trượt trên mặt đường nhựa bám dính vật chất màu đỏ, dài 11,3 m, vùng rộng nhất là 62cm; điểm đầu V5 cách mốc cổ định 20,85 m, cách mép chuẩn là 9,1 m; điểm cuối trùng với mặt đường dưới gót chân phải của tử thi.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 14/9/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn, kết quả khám nghiệm phương tiện, xác định vùng va chạm đầu tiên của hai phương tiện tương ứng trên mặt đường Tỉnh lộ 1 có đường kính 0,85m, tâm vùng va chạm cách mép đường chuẩn 5,9m, cách mốc cổ định 15,5m; cách điểm đầu V1 2,93m; cách điểm đầu V2 3,1m; cách chân phải tử thi 28m; cách trục sau bánh xe mô tô 31,3m; cách bánh sau bên phải của xe ô tô 63,1m.

Tại tường nhà của tiệm thuốc tây của gia đình bà Hồ Thị K nằm ở lề đường bên phải hướng khám nghiệm phát hiện có gắn một camera có góc quay về phía tỉnh lộ 1 đoạn xảy ra tai nạn, vị trí đặt camera cách mép chuẩn 19,5m.

Về phương tiện: Tại hiện trường ghi nhận 02 phương tiện gồm: 01 xe ô tô BKS 47D – 011.33 đậu ở phần đường bên trái hướng khám nghiệm, đầu xe quay về hướng UBND xã E và hơi lệch về hướng mép chuẩn, trục bánh sau bên phải xe ô tô cách mép chuẩn 3,4 m, cách mốc cổ định 60,5 m; trục bánh trước bên phải xe ô tô cách mép chuẩn 2,65 m, cách mốc cổ định 64,1 m; trục bánh trước bên trái xe ô tô cách mốc mép chuẩn 4,47 m, cách mốc cổ định 64,9 m. 01 xe mô tô BKS 47T1 416.50 nằm đổ nghiêng sang trái, trên phần đường bên trái hướng khám nghiệm, đầu xe hướng ra mép đường chuẩn và hơi lệch về hướng UBND xã T, trục bánh trước xe mô tô cách mép đường chuẩn 0,38 m, cách mốc cổ định 26,96 m; trục bánh sau xe mô tô cách mép đường chuẩn là 1,47 m, cách mốc cổ định 27,9 m.

Về tử thi: Tại hiện trường phát hiện 01 tử thi nằm ngang trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm, đầu tử thi hướng vào mép đường hơi lệch về hướng UBND xã E, chân hướng ra tim đường, đầu tử thi cách mốc cổ định 31 m, cách mép chuẩn 11,3 m, gót chân phải tử thi cách mốc cổ định 29,5 m, cách mép chuẩn 10,3 m.

Kết quả khám xe ô tô BKS 47D - 011.33 thể hiện: Kính chắn gió phía trước có kích thước (1,74x0,85)m bị vỡ hoàn toàn, vùng kính vỡ và lõm tập trung ở nửa bên phải

kích thước vỡ trong diện (85x85)cm. Vùng chất lỏng màu đỏ nghi là máu tập trung ở vùng lõm; Cánh cửa trước bên phải bị hỏng không mở được, hở ra so với thân xe 04cm. Két nước dài 64cm, rộng 42cm, bị cong vênh về phía bên phải, hướng từ trước ra sau; Cánh trước của xe dài 139,5cm, rộng 13cm, cong gập về phía bên phải, vị trí cong gập nhiều nhất 28cm về phía bên phải; Vỏ trước đầu xe, nắp ca pô bên phải lõm trong phần kích thước (120x85)cm, hướng từ trước về sau, bong tróc sơn; Tại vị trí phía dưới bên phải phát hiện 01 mảnh nhựa màu đỏ, hình dạng bất quy tắc kích thước (8x12)cm; Cụm đèn chiếu sáng và xi nhan phía trước bên trái rơi khỏi vị trí cố định; Cụm đèn chiếu sáng và xi nhan phía trước bên phải bị vỡ hoàn toàn.

- + Hệ thống điều khiển: Vô lăng hoạt động bình thường;
- + Hệ thống hãm: Phanh không kiểm tra được.
- + Đèn: Đèn xi nhan sau hoạt động bình thường, đèn chiếu sáng và xi nhan trước hư hỏng hoàn toàn;
- + Còi, gạt nước không hoạt động;
- + Camera hành trình không hoạt động;
- + Lốp xe rộng 18cm (Lốp trước bên trái mòn không còn hoa văn lốp; lốp trước bên phải mòn, không còn hoa văn lốp, đã bị hết hơi)
- + Gương chiếu hậu còn đủ, hoạt động bình thường.

Kết quả khám xe mô tô BKS 47T1 - 416.50 thể hiện: Phần đầu xe vỡ nát, hư hỏng, biến dạng hoàn toàn; Yếm xe phía trước bung vỡ hoàn toàn; Trục chằng ba gãy rời; Gương chiếu hậu phía trước bên trái gãy rời, bị mài mòn, chà xước; Tay côn bị mài - mòn ở nhiều vị trí, Phuộc nhún phía trước hai bên bị cong, gãy; Méo niềng phía trước cong vênh gãy vỡ hai bên ở nhiều vị trí; Yên xe bung, bị mất chốt; Nắp bình xăng và bình ắc quy bị rơi mất; Cần số biến dạng, cong gập về phía sau; Góc chân trước bên trái, mặt ngoài phía dưới bị mài mòn trong diện (12x2,5)cm, chiều hướng từ trước ra sau; Đầu gác chân phía sau bên trái bị mài mòn (2,5x1)cm, hướng từ trước ra sau; Yếm sau bên trái bị mài mòn trong diện (42x8)cm; Tay dắt phía sau mặt ngoài bên trái có vết chà xước, mài mòn phức tạp, hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới trong diện (4,5x2)cm; Cỏ pô bị gãy rời, cong gập.

- Đèn, còi, xi nhan không kiểm tra được;
- Hệ thống hãm không kiểm tra được;
- Lốp trước không còn hơi;
- Không có gương chiếu hậu.

Bản Kết luận giám định tử thi số 249/KLGĐTT-PY ngày 20/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk thể hiện như sau:

- + Kết quả khám nghiệm tử thi: Vết xây xước và mài mòn da vùng ngực trái và bụng hai bên kích thước (40 x 36)cm; Biến dạng ngực trái, gãy kín các xương sườn từ số

5 đến 9 cung trước bên trái; Chọc dò ngực trái máu loãng chảy ra lượng nhiều; Mổ tử thi: Tụ máu dưới da và cơ ngực lớn bên trái, kích thước (14 x10)cm; Tụ máu các cơ liên sườn 5 đến 9 cung trước bên trái; Gãy các xương sườn từ 5 đến 9; Dập rách thùy dưới phổi trái, dập rách bao màng ngoài tim gây tràn máu khoang ngực trái máu loãng lẫn máu đông; Gãy nhiều xương; Nhiều vết xây xước, mài mòn, bầm tím vùng mặt, cổ, ngực, bụng, tứ chi.

+ Kết quả xét nghiệm máu và nước tiểu của Y tại TTYT huyện B ngày 14/9/2024: Test Nethamphetamin nước tiểu: Không thu được bệnh phẩm nước tiểu; Xét nghiệm nồng độ Ethanol (cồn) máu: Mẫu không đạt kết quả.

+ Kết luận nguyên nhân chết: Chấn thương ngực kín/ Nhiều thương tích nặng do tai nạn giao thông.

+ Kết luận khác: Không xác định được Y có sử dụng bia, rượu, chất luận có cồn hoặc chất ma túy, kích thích khi điều khiển xe mô tô.

- Tại Kết luận giám định số 1591/KL-KTHS, ngày 01/10/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định 01 video clip dài 36 giây, có tên 5828584011502.mp4, kích cỡ 5,05MB xác định không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh; Không xác định được tốc độ của xe mô tô BKS 47T1-416.50 và xe ô tô BKS 47D - 011.33 trước thời điểm xảy ra va chạm.

- Tại Kết luận giám định số 1654/KL-KTHS, ngày 25/10/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định hệ thống phanh (trước và sau) của xe mô tô BKS 47T1- 416.50 và xe ô tô BKS 47D - 011.33 tại thời điểm giám định không bị sự cố kỹ thuật.

- Tại Công văn phúc đáp số 2544/SGTVT-QLVT,PT&NL, ngày 14/10/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk xác định Y được cấp Giấy phép lái xe hạng A2 ngày 13/10/2022, Trần Đình Ph được Giấy giấy phép lái xe hạng A1 ngày 27/02/2019. Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk không quản lý và cấp phù hiệu kinh doanh cho xe ô tô BKS 47D - 011.33 nên không có dữ liệu giám sát hình trình.

- Tại kết quả kiểm tra nồng độ cồn hồi 03 giờ 50 phút, ngày 14/9/2024 do đội CSGT Công an huyện Buôn Đôn thực hiện xác định nồng độ cồn trong khí thở của Trần Đình Ph là 0,000mg/l. Căn cứ phiếu xét nghiệm hồi 07 giờ 55 phút, ngày 14/9/2024 của Trung tâm Y tế huyện B thực hiện xác định Trần Đình Ph âm tính với các chất ma túy.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS, ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị thiệt hại của 01 (một) xe mô tô BKS 47T1 - 416.50, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER theo giá trị khấu hao: 3.312.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng); Chi phí công thợ sửa chữa: 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng); giá trị thiệt hại của 01 (một) xe ô tô BKS 47D - 011.33, nhãn hiệu FORD loại xe TRANSIT theo giá trị khấu hao: 793.000 đồng (bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng); Chi phí công thợ sửa chữa: 12.760.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn thu giữ:

+ 01 (Một) USB dung lượng 08GB, nhãn hiệu SanDisk, vỏ màu đen, bên trong chứa 01 video clip dài 36 giây, có tên 5828584011502.mp4, kích cỡ 5,05MB, tình trạng đã được niêm phong;

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với xe ô tô BKS 47D-011.33;

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô Trần Văn N đối với xe ô tô BKS 47D-011.33, thời hạn từ 18/8/2023 đến 18/8/2024;

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 47D-011.33, tên chủ xe Trần Thanh T, địa chỉ tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ 01 (Một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.883.809.308-981-24-000167/QĐ-XPHC, ngày 15/02/2024 của Công an huyện Buôn Đôn đối với Trần Văn Nam;

+ 01 (Một) Biên lai thu phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn N theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 981-24-000167;

+ 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A2 của Y ;

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy của chủ xe Y đối với xe mô tô BKS 47T1-416.50, hết hạn ngày 04/4/2025;

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 47T1-416.50, tên chủ xe Y.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện phía gia đình bị cáo Trần Đình Ph và Trần Văn N đã thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ chi phí mai táng và sửa chữa xe mô tô BKS 47T1-416.50 cho gia đình anh Y tổng số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà H (mẹ ruột anh Y) đã nhận đủ số tiền trên và có đơn bãi nại đối với Trần Đình Ph, Trần Văn N.

Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, truy tố bị cáo Trần Đình Ph về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn N về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Đình Ph và Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã nêu và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện hợp pháp của bị hại, bà H (mẹ ruột anh Y) cho rằng về trách nhiệm dân sự giữa gia đình bà và gia đình bị cáo N, Ph đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong, tại

phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn trình bày quan điểm luận tội đối với bị cáo Trần Đình Ph, Trần Văn N: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đình Ph phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn N phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Đình Ph từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 14/9/2024.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý Vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 595, 596, 597/QĐ-ĐTTH ngày 13/11/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn, trả lại:

- 01 (một) xe mô tô BKS 47T1-416.50; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Y; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô BKS 47T1-416.50; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 47T1-416.50 cho người đại diện hợp pháp là bà H (mẹ ruột anh Y).

- 01 (một) xe ô tô BKS 47D - 011.33; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định đối với xe ô tô BKS 47D-011.33; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô Trần Văn N đối với xe ô tô BKS 47D-011.33, thời hạn từ 18/8/2023 đến 18/8/2024; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 47D- 011.33; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.883.809.308- 981-24-000167/QĐ-XPHC, ngày 15/02/2024 của Công an huyện Buôn Đôn đối với Trần Văn N; 01 (một) biên lai thu phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn N theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 981-24-000167 cho chủ sở hữu hợp pháp Trần Văn N quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại như đã thỏa thuận.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo Phương và Nam xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình Ph và Trần Văn N; người đại diện hợp pháp của bị hại bà H (mẹ ruột anh Y) không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Thể hiện, mặc dù Trần Văn N biết rõ con trai mình là Trần Đình Ph không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vào khoảng 02 giờ 03 phút, ngày 14/9/2024, Trần Văn N là chủ phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 47D – 011.33 đã giao xe cho Trần Đình Ph điều khiển xe chở N ngồi bên cạnh (ghế phụ) khi đi đến Km7, Tỉnh lộ 1 thuộc Buôn K, xã E, huyện B, Ph điều khiển xe chạy ở giữa phần đường (không có vạch kẻ đường) với tốc độ khoảng 70km/h do không làm chủ được tốc độ, không kịp đạp phanh đồng thời đánh lái sang bên trái phần đường dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 416.50 do Y điều khiển. Hậu quả: Y tử vong tại chỗ; xe ô tô BKS 47D – 011.33 và xe mô tô BKS 47T1 – 416.50 bị hư hại về tài sản.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đình Ph đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của anh Y trái pháp luật, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình, lẽ ra bị cáo phải biết được rằng khi điều khiển phương tiện cơ giới tham gia giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe theo quy định, đi đúng phần đường, nhưng bị cáo không thực hiện dẫn đến tai nạn giao thông, hậu quả làm anh Y tử vong tại chỗ nên cần xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Văn N, mặc dù biết rõ con trai mình là Trần Đình Ph không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng bị cáo vẫn giao xe ô tô biển kiểm soát 47D – 011.33 cho Trần Đình Ph điều khiển dẫn đến Ph không làm chủ được tốc độ, không kịp đạp phanh đồng thời đánh lái sang bên trái phần đường va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 416.50 do Y điều khiển. Hậu quả: Anh Y tử vong tại chỗ.

Xét quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đình Ph đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn N đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

- Điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

- Điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Làm chết người;

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Đình Ph có 01 tiền án về tội Dâm ô với người dưới 16 tuổi, tính đến thời điểm ngày 14/9/2024 bị cáo chưa được xóa án tích nên phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn N không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ph và N tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại phù hợp với quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên cần ghi nhận.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo Trần Đình Ph và Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đình Ph phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Bị cáo Trần Văn N phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Đình Ph 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 14/9/2024.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại:

- 01 (một) xe mô tô BKS 47T1-416.50; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Y; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô BKS 47T1-416.50; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 47T1-416.50 cho người đại diện hợp pháp là bà H (mẹ ruột anh Y).

- 01 (một) xe ô tô BKS 47D - 011.33; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định đối với xe ô tô BKS 47D-011.33; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô Trần Văn N đối với xe ô tô BKS 47D-011.33, thời hạn từ 18/8/2023 đến 18/8/2024; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 47D- 011.33; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.883.809.308- 981-24-000167/QĐ-XPHC, ngày 15/02/2024 của Công an huyện Buôn Đôn đối với Trần Văn N; 01 (một) biên lai thu phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn N theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 981-24-000167 cho chủ sở hữu hợp pháp Trần Văn N quản lý, sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận giải quyết xong nên không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Đình Ph, Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Vụ giám đốc thẩm, tái thẩm TAND.CC Đà Nẵng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn